TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 27 - 5 - 2024.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Vũ Quang Chung.

Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiếu và ông Lương Mạnh Tường.

- *Thư ký phiên toà:* ông Bùi Quang Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/Q□-HNGĐ ngày 11 ngày 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐ-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: chị Võ Thị N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

***Bị đơn**: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa chị N, có mặt; anh Đ, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh ngày 20/3/2010, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng với gia đình anh Đ ở thôn P, xã S, huyện N. Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hiểu nhau, không tin tưởng nhau. Từ khoảng tháng 03/2023, chị và anh Đ sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Nay, chị nhận thấy

mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Chị Võ Thị N khẳng định chị không ngoại tình, bạn khác giới là có, việc bố mẹ chồng nói chị ngoại tình là chưa có căn cứ. Chị xin ly hôn anh Đ do tình cảm giữa chị và anh Đ không còn.

Về con chung: Chị N xác nhận chị và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung là các cháu Nguyễn Lệ H, sinh ngày 09/8/2011, cháu Nguyễn Tùng A, sinh ngày 25/01/2014. Hiện các cháu đang ở cùng anh Đ và ông bà Nội. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị xác định hiện chị làm công nhân Công ty Giầy Da, đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng hai cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị Võ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Đ cố tình vắng mặt không lý do, không nộp bản tự khai và các tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại địa phương.

- Tại biên bản xác minh ngày 01/4/2024, Đại diện chính quyền địa phương cung cấp: chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Tĩnh, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh Đ ở thôn P, xã S, huyện N. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn chính quyền địa phương không rõ vì anh chị không đề nghị chính quyền địa phương hòa giải, chỉ biết hiện nay chị N không ở cùng anh Đ. Anh chị có 02 con chung, hiện các cháu đang ở chung cùng anh Đ và ông bà Nội. Anh Đ đi làm ăn lúc có mặt ở nhà, lúc không có mặt ở nhà, còn lý do tại sao anh Đ không lên Tòa án làm việc thì chính quyền không rõ. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết, đảm bảo quyền lợi cho các bên.

- Tại biên bản làm việc với bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Đ, ngày 01/4/2024, bố mẹ anh Đ có ý kiến như sau: anh Đ và chị N kết hôn ở tỉnh Hà Tĩnh, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng với ông bà từ năm 2010, trong quá trình chung sống giữa gia đình chồng và con dâu không có điều tiếng gì, chị N đi làm Công ty, sáng đi tối về. Cho đến tháng 2/2023, gia đình bạn trai của chị N có lên gia đình ông bà nói chuyện, lúc đấy gia đình mới biết chị N có quan hệ ngoài luồng. Sau khi sự việc xảy ra, chị N có bỏ vào miền Nam một thời gian, sau đó quay về nhưng không về nhà ông bà mà thuê nhà ở riêng. Nay chị N xin ly hôn, quan điểm của gia đình đó là quyền của chị N và anh Đ, gia đình ông bà không có ý kiến gì. Khi chị N xin ly hôn, anh Đ có biết, quan điểm của anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung, chị N, anh Đ có 02 con chung, hiện các cháu đang ở cùng ông bà. Nếu chị N, anh Đ ly hôn, các cháu ở với ai là quyền của các cháu. Về tài sản, công nợ chung, chị N, anh Đ không có, anh chị ở chung với vợ chồng ông bà, từ khi cưới cho đến nay.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 227; 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lệ H, sinh ngày 09/8/2011, cho chị Võ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Tùng A, sinh ngày 25/01/2014, cho Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Đ và chị Võ Thị N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Võ Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình, loại việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Đ cố tình vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần, căn cứ quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]. **Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh ngày 20/3/2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống những năm đầu cuộc sống vợ chồng chị N, anh Đ hạnh phúc đến khoảng 10 năm sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do vợ chồng không tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung. Từ khoảng tháng 03/2023, chị N và anh Đ sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Anh Nguyễn Văn Đ không lên Tòa án làm việc, điều đó chứng tỏ anh Đ không muốn níu kéo

cuộc hôn nhân này. Chị Võ Thị N giữ nguyên quan điểm tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống. Đủ cơ sở khẳng định, tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 các Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung là các cháu Nguyễn Lệ Hằng, sinh ngày 09/8/2011 và cháu Nguyễn Tùng Anh, sinh ngày 25/01/2014, hiện các cháu đang ở cùng bố và ông bà Nội. Chị N có nguyện vọng nếu khi ly hôn chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai cháu. Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại bản tự khai ngày 19/3/2023, cháu Nguyễn Lệ Hằng và cháu Nguyễn Tùng Anh có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng thì chị N, anh Đ đều khỏe mạnh, có thu nhập. Tuy nhiên, quan điểm của bố mẹ anh Đ, việc ở với ai do các cháu tự quyết định, trong quá trình giải quyết anh Đ cố tình vắng mặt và không có quan điểm gì về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Từ sự phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định của các cháu, đảm bảo quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chưa thành niên của các bên đương sự khi ly hôn. Cần giao hai cháu Nguyễn Lệ H, sinh ngày 09/8/2011 và cháu Nguyễn Tùng A, sinh ngày 25/01/2014, cho chị Võ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Võ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Áp dụng khoản 1 các Điều 19, 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn Đ.

2. *Về con chung*: Giao hai cháu Nguyễn Lệ H, sinh ngày 09/8/2011 và cháu Nguyễn Tùng A, sinh ngày 25/01/2014, cho chị Võ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết có quyền thay đổi việc nuôi con.

3. *Về tài sản - công nợ chung*: Chị Võ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Võ Thị N phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000335 ngày 10/10/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

5. *Quyền kháng cáo*: Chị Võ Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T, TP Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)
VŨ QUANG CHUNG